

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 19-10-2017

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Tám**

2. Ông **Trần Văn Nhu**

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Âu Thị Thảo** - cán bộ Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên toà.

Ngày 19 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 681/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2017 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2017/QĐXX-ST ngày 09 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Ngọc H** sinh năm: 1969

Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: Chị **Phạm Thị T** sinh năm: 1973

Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện C, tỉnh Tiền Giang

(Anh H có mặt; chị T xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 13 tháng 9 năm 2017, biên bản hòa giải ngày 09 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là anh Nguyễn Ngọc H trình bày: Anh và chị Phạm Thị T xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 1994, anh và chị T không có đăng ký kết hôn. Anh và chị T sống hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau nên anh và chị T sống ly thân từ năm 2002 cho đến nay không có hàn gắn tình cảm. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị T nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc H1, sinh năm: 1996 đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 09 tháng 10 năm 2017 bị đơn là chị Phạm Thị T trình bày: Chị thống nhất với anh H về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn và con chung. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị và anh H là do anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng sống ly thân với nhau từ năm 2002 đến nay. Nay chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H. Về con chung: có 01 con chung như anh H trình bày, đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên, chị T có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T là phù hợp điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Ngọc H và chị Phạm Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994. Trong quá trình chung sống anh H và chị T đều xác định là vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như anh chị trình bày và thống nhất thuận tình ly hôn với nhau. Tuy nhiên, xét thấy anh H và chị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 không có đăng ký kết hôn. Tuy anh chị có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng lại không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm theo quy định tại điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị T không được pháp luật thừa nhận nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị T là phù hợp điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Anh H và chị T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc H1, sinh năm: 1996 đã trưởng thành anh chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H, chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Ngọc H và chị Phạm Thị T.

2. Về nuôi con chung: Anh H và chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

- Anh Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 07518 ngày 13 tháng 9 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, anh H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với chị T thời hạn kháng cáo trên được tính kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ